PHỤ LỤC SỐ 01

(Kèm theo BCTT số 1[illegible] KTNS ngày 29/02/2024 của Ban KTNS HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Dự án	Diện tích quy hoạch (m^2)	Diện tích thu tiền sử dụng đất (m^2)		Dự kiến tiền sử dụng đất nộp NSNN giai đoạn 2021-2025	Phương án thu tiền sử dụng đất đã rà soát	Thu tiền sử dụng đất tăng so với phương án đã rà soát
			Tổng số	Trong đó, đất ở			
1	2	3	4	5	6	7	8=6-7
	Tổng số	**4,278,402**	**2,598,411**	**820,301**	**10,500,000**	**2,629,300**	**7,870,700**
1	Khu dân cư Cầu Yên, thị trấn Tứ Kỳ, huyện Tứ Kỳ	47,065	35,546	14,931	265,000	150,000	115,000
2	Khu dân cư, đô thị Tân Phú Hưng mở rộng, TP HD	336,796	336,796	130,400	1,512,000	530,000	982,000
3	Khu đô thị mới phía Nam TP Hải Dương (Phân khu 2)	1,938,541	270,069	97,970	1,500,000		1,500,000
4	Khu dân cư mới Thạch Khôi	301,000	301,000	90,000	1,224,000	181,000	1,043,000
5	Khu đô thị Xuân Dương - Tứ Minh - TP Hải Dương	307,000	307,000	92,000	1,196,000	50,000	1,146,000
6	Khu dân cư đô thị phía Nam cầu Hàn, TPHD	126,000	126,000	38,000	494,000	75,000	419,000
7	Xây dựng khu dân cư mới xã Tân Việt - Thanh Hà	97,000	97,000	29,000	348,000	50,000	298,000
8	Khu dân cư mới xã Tứ Cường - huyện Thanh Miện	98,000	98,000	28,000	336,000	100,000	236,000
9	Khu đô thị sinh thái Chí Linh - Phường Chí Minh	574,000	574,000	161,000	1,600,000	720,000	880,000
10	Khu dân cư phía Tây ven đường tránh cầu An Thành - xã Kim Anh - Kim Thành	106,000	106,000	32,000	450,000	223,300	226,700
11	Khu dân cư phía Đông ven đường tránh cầu An Thành - xã Kim Anh - Kim Thành	107,000	107,000	32,000	450,000	100,000	350,000
12	Khu dân cư mới thị trấn Tứ Kỳ	151,000	151,000	48,000	720,000	450,000	270,000
13	Khu dân cư mới số 3 xã Yết Kiêu - huyện Gia Lộc	89,000	89,000	27,000	405,000		405,000

PHỤ LỤC SỐ 02

(Kèm theo BCTT số: 15 /BCTT-KTNS ngày 29/02/2024 của Ban KTNS HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn NSĐP 5 năm 2021-2025 đã giao	Phân bổ, điều chỉnh kế hoạch vốn NSĐP 5 năm 2021-2025	Kế hoạch vốn NSĐP 5 năm 2021-2025 sau phân bổ, điều chỉnh				Ghi chú
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	*Bao gồm*			
							Vốn phân bổ chi tiết		Vốn dự kiến phân bổ (Nguồn thu sử dụng đất)	
							Nguồn XDCB tập trung	Nguồn thu sử dụng đất		
A	B	1	2	3	4	5=3+4	6	7	8	9
	Tổng số		**10,616,434.6**	**2,842,709.0**	**5,536,654.224**	**8,379,363.224**	**345,140.842**	**2,928,804.579**	**5,105,417.803**	
I	**Cấp tỉnh đầu tư**		**9,203,119.6**	**2,842,709.0**	**4,652,795.224**	**7,495,504.224**	**345,140.842**	**2,928,804.579**	**4,221,558.803**	
I.1	**Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn**		**2,434,039.0**	**2,434,039.0**	**-354,500.000**	**2,079,539.000**	**134,572.605**	**1,944,966.395**		
1	Đầu tư xây dựng đường vào khu di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc (1/2 tuyến bên trái từ ngã ba An Lĩnh đến ngã ba đầu Rồng)	1966; 15/9/2023	564,050.0	564,050.0	-170,000.000	394,050.000	73,390.667	320,659.333		Dư vốn trung hạn
2	Đầu tư xây dựng cầu vượt sông Kinh Môn và đường dẫn nối nút giao lập thể với Quốc lộ 5	2461; 02/11/2023	600,000.0	600,000.0	-40,000.000	560,000.000	61,181.938	498,818.062		Dư vốn trung hạn
3	Xây dựng đường dẫn cầu Cậy mới và đường 33m kéo dài (qua địa phận huyện Cẩm Giàng) nối đường Vũ Công Đán, thành phố Hải Dương	2475, 03/11/2023	469,478.0	469,478.0	-30,000.000	439,478.000		439,478.000		Dư vốn trung hạn
4	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 390 đoạn từ cầu Hợp Thanh đến cầu Quang Thanh	433; 17/3/2023	421,189.0	421,189.0	-14,500.000	406,689.000		406,689.000		Dư vốn trung hạn
5	Xây dựng Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương (địa điểm mới)	394; 16/02/2024	379,322.0	379,322.0	-100,000.000	279,322.000		279,322.000		Trình phê duyệt điều chỉnh kế hoạch vốn đồng thời với điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Tờ trình số 07/TTr-UBND ngày 27/02/2024 của UBND tỉnh
I.2	**Bổ sung tăng kế hoạch vốn**		**1,104,190.0**	**408,670.0**	**712,520.000**	**1,121,190.000**	**210,568.237**	**893,621.763**	**17,000.000**	
1	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 391, đoạn Km24+600-Km28+600	278; 21/02/2023	257,770.0	257,770.0	17,000.000	274,770.000	69,398.000	188,372.000	17,000.000	Bổ sung đoạn từ Km28+600 đến QL10 (khoảng 700 m)
2	Đầu tư xây dựng đường tỉnh 396 kéo dài (đoạn nối từ đường tỉnh 391 đến đường tỉnh 390)	1969; 15/9/2023	846,420.0	150,900.0	695,520.000	846,420.000	141,170.237	705,249.763		
I.3	**Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn**		**5,664,890.6**		**4,294,775.224**	**4,294,775.224**		**90,216.421**	**4,204,558.803**	

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn NSĐP 5 năm 2021-2025 đã giao	Phân bổ, điều chỉnh kế hoạch vốn NSĐP 5 năm 2021-2025	Kế hoạch vốn NSĐP 5 năm 2021-2025 sau phân bổ, điều chỉnh				Ghi chú
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	*Bao gồm*			
							Vốn phân bổ chi tiết		Vốn dự kiến phân bổ (Nguồn thu sử dụng đất)	
							Nguồn XDCB tập trung	Nguồn thu sử dụng đất		
A	B	1	2	3	4	5=3+4	6	7	8	9
(1)	***Thanh toán tiền bồi thường GPMB và khối lượng đã hoàn thành***		***1,238,852.6***		***8,737.224***	***8,737.224***		***1,651.421***	***7,085.803***	
1	Cải tạo, nâng cấp đường 394 đoạn Km8+738-Km10+788, huyện Bình Giang	4510, 25/12/2009; 262, 03/02/2012	39,178.0		342.944	342.944		342.944		
2	Cải tạo, nâng cấp đường 392 (20A) đoạn Km2+488-Km6, huyện Bình Giang	4013, 21/11/2006; 2447, 04/7/2008; 2778, 20/10/2010	23,479.8		79.690	79.690		79.690		
3	Cải tạo, nâng cấp đường 17 (Ngã ba Chè - Ngã ba Nấu Khê), huyện Nam Sách	3982, 01/10/2003; 1891, 25/5/2006; 3530, 03/10/2008	11,443.0		29.805	29.805		29.805		
4	Đường 389B (Km0 - Km12) đoạn từ cầu An Lưu 2 đến đường 389, huyện Kinh Môn	3325, 31/10/2017; 70, 08/01/2020; 3347, 06/11/2020	100,400.0		522.814	522.814		522.814		
5	Xây dựng nút giao lập thể tại điểm giao cắt giữa đường sắt Hà Nội - Hải Phòng và đường 390	3222, 11/9/2007; 3317, 06/12/2011; 2553, 01/11/2013; 3107, 10/12/2014; 2310, 10/9/2015; 1280, 18/5/2016; 1517, 12/6/2020	1,045,686.0		114.232	114.232		114.232		
6	Xây dựng, cải tạo kho chứa thuốc bảo vệ thực vật tại xã Cao An, huyện Cẩm Giàng	4009; 31/10/2018	5,850.0		49.653	49.653		49.653		
7	Xây dựng công trình phòng chống cháy rừng tỉnh Hải Dương	2108/QĐ-KHĐT-NN ngày 17/11/2010	1,815.8		512.283	512.283		512.283		
8	Xử lý gia cố mái, nạo vét kênh T1 - Trạm bơm Thanh Quang, xã Thanh Quang, huyện Nam Sách	965; 26/3/2021	11,000.0		7,085.803	7,085.803			7,085.803	
(2)	***Khởi công mới dự án***		***4,426,038.0***		***4,286,038.000***	***4,286,038.000***		***88,565.000***	***4,197,473.000***	
1	Xây mới các khối nhà: cấp cứu, nghiệp vụ kỹ thuật và cận lâm sàng; nghiệp vụ kỹ thuật, cận lâm sàng và nội trú; khám, hành chính, nghiệp vụ kỹ thuật và nội trú, Bệnh viện Đa khoa tỉnh		736,800.0		736,800.000	736,800.000			736,800.000	

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn NSĐP 5 năm 2021-2025 đã giao	Phân bổ, điều chỉnh kế hoạch vốn NSĐP 5 năm 2021-2025	Kế hoạch vốn NSĐP 5 năm 2021-2025 sau phân bổ, điều chỉnh				Ghi chú
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	*Bao gồm*			
							Vốn phân bổ chi tiết		Vốn dự kiến phân bổ (Nguồn thu sử dụng đất)	
							Nguồn XDCB tập trung	Nguồn thu sử dụng đất		
A	B	1	2	3	4	5=3+4	6	7	8	9
2	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các khối nhà cũ và bổ sung hệ thống PCCC, Bệnh viện Đa khoa tỉnh		375,400.0		375,400.000	375,400.000			375,400.000	
3	Xây dựng, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải Bệnh viện tâm thần và 04 Trung tâm y tế cấp huyện (thành phố Chí Linh; Kinh Môn; Kim Thành; Thanh Hà)		54,000.0		54,000.000	54,000.000			54,000.000	
4	Đường vành đai thị trấn Cẩm Giang và đường nối Quốc lộ 38 với Khu công nghiệp VSIP		990,000.0		990,000.000	990,000.000			990,000.000	
5	Cải tạo, chỉnh trang hệ thống điện chiếu sáng, chiếu sáng mỹ thuật, cây xanh, vỉa hè đường Trường Chinh, đại lộ Võ Nguyên Giáp trên địa bàn thành phố Hải Dương và huyện Gia Lộc		88,565.0		88,565.000	88,565.000		88,565.000		Trình phân bổ vốn đồng thời với trình phê duyệt chủ trương đầu tư theo Tờ trình số 09/TTr-UBND ngày 27/02/2024 của UBND tỉnh
6	Xây dựng trụ sở Ban Quản lý rừng		17,200.0		17,200.000	17,200.000			17,200.000	
7	Đường tránh Quốc lộ 37 đoạn qua thị trấn Gia Lộc (đoạn nối cầu Thống Nhất/Quốc lộ 37 với đường vành đai I thành phố Hải Dương)		682,392.0		682,392.000	682,392.000			682,392.000	
8	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 393 đoạn từ Km10+180-Km20+050 (từ cống Ba Đa đến cầu Từ Ô)		176,000.0		176,000.000	176,000.000			176,000.000	Không bao gồm GPMB (Công tác GPMB do UBND huyện Thanh Miện chịu trách nhiệm thực hiện)
9	Xây dựng tuyến đường giao thông kết nối Quốc lộ 17B với cầu Dinh, thị xã Kinh Môn		190,000.0		190,000.000	190,000.000			190,000.000	Lập dự án đầu tư 1/2 tuyến theo quy hoạch (Bn=12m)
10	Cải tạo, tu bổ núi Mâm Xôi và Hồ phía Bắc đền Kiếp Bạc, thành phố Chí Linh		193,000.0		193,000.000	193,000.000			193,000.000	
11	Xây dựng nhà bảo tàng Trần Hưng Đạo		85,000.0		85,000.000	85,000.000			85,000.000	
12	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan đảng tỉnh Hải Dương năm 2024, 2025		31,250.0		31,250.000	31,250.000			31,250.000	

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn NSĐP 5 năm 2021-2025 đã giao	Phân bổ, điều chỉnh kế hoạch vốn NSĐP 5 năm 2021-2025	Kế hoạch vốn NSĐP 5 năm 2021-2025 sau phân bổ, điều chỉnh				Ghi chú
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	*Bao gồm*			
							Vốn phân bổ chi tiết		Vốn dự kiến phân bổ (Nguồn thu sử dụng đất)	
							Nguồn XDCB tập trung	Nguồn thu sử dụng đất		
A	B	1	2	3	4	5=3+4	6	7	8	9
13	Xây dựng trung tâm bồi dưỡng học sinh giỏi tỉnh Hải Dương		40,000.0		40,000.000	40,000.000			40,000.000	
14	Đầu tư xây dựng, cải tạo trụ sở Hội người mù tỉnh Hải Dương		14,831.0		14,831.000	14,831.000			14,831.000	
15	Đường gom dọc Quốc lộ 5 phải tuyến từ ngã tư Ghẽ đi Ngã tư Lai Cách (Km40+240-Km43+870) các đoạn còn lại và từ Khu đô thị thương mại Lai Cách đến hết Công ty giầy Cẩm Bình bên trái tuyến (Km44+205-Km44+795)		370,000.0		370,000.000	370,000.000			370,000.000	
16	Đường vành đai I thành phố Hải Dương, đoạn từ đường 62m đến Khu công nghiệp Đại An mở rộng		200,000.0		60,000.000	60,000.000			60,000.000	Lập dự án đầu tư 1/2 tuyến theo quy hoạch (hoàn thành giai đoạn sau năm 2025)
17	Cải tạo, nâng cấp tuyến đê hữu Thái Bình đoạn từ K9+600 - K13+279 địa bàn huyện Cẩm Giàng		75,000.0		75,000.000	75,000.000			75,000.000	
18	Xây dựng 03 trường THPT tỉnh Hải Dương (trường THPT Hà Đông huyện Thanh Hà; THPT Cẩm Giàng 2 huyện Cẩm Giàng; THPT Kim Thành huyện Kim Thành)		85,000.0		85,000.000	85,000.000			85,000.000	
19	Nâng cấp trang thiết bị kỹ thuật công nghệ phát thanh, truyền hình		21,600.0		21,600.000	21,600.000			21,600.000	
II	**Hỗ trợ bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện và giao cấp huyện thực hiện**		**1,413,315.0**		**883,859.000**	**883,859.000**			**883,859.000**	
1	Xây dựng cầu Kim Liên - Kim Tân và đường dẫn hai đầu cầu thuộc tuyến đường huyện Kim Lương - Liên Hòa, huyện Kim Thành		74,917.0		60,000.000	60,000.000			60,000.000	Phần còn lại ngân sách huyện đầu tư
2	Xây dựng đường gom đường sắt Hà Nội - Hải phòng đoạn qua huyện Kim Thành		425,893.0		212,946.500	212,946.500			212,946.500	Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% TMĐT; phần còn lại ngân sách cấp huyện đầu tư

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn NSĐP 5 năm 2021-2025 đã giao	Phân bổ, điều chỉnh kế hoạch vốn NSĐP 5 năm 2021-2025	Kế hoạch vốn NSĐP 5 năm 2021-2025 sau phân bổ, điều chỉnh				Ghi chú
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	*Bao gồm*			
							Vốn phân bổ chi tiết		Vốn dự kiến phân bổ (Nguồn thu sử dụng đất)	
							Nguồn XDCB tập trung	Nguồn thu sử dụng đất		
A	B	1	2	3	4	5=3+4	6	7	8	9
3	Xây dựng đường vành đai II thành phố Hải Dương, đoạn từ Quốc lộ 38B đến địa phận huyện Bình Giang, huyện Gia Lộc		416,205.0		208,102.500	208,102.500			208,102.500	Lập dự án đầu tư 1/2 tuyến theo quy hoạch (ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% TMĐT; phần còn lại ngân sách cấp huyện đầu tư)
4	Đầu tư hạ tầng tại các vùng sản xuất nông nghiệp		98,300.0		68,810.000	68,810.000			68,810.000	Ngân sách tỉnh hỗ trợ 70% TMĐT; phần còn lại ngân sách cấp huyện đầu tư
4.1	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng vùng sản xuất thuộc xã An Thanh và Quang Trung, huyện Tứ Kỳ (Tại xã An Thanh: Cải tạo, nâng cấp cống Đa vang dưới đê Hữu Thái Bình, xây dựng 04 cống trên kênh Đa vang, 01 cống trên kênh cống Mầm, 02 cống trên nhánh kênh Sồi. Tại xã Quang Trung: Xây dựng 01 tuyến đường giao thông nội đồng dài 1,5km, xây dựng 05 cống trong trong vùng khai thác rươi cáy)		35,000.0		24,500.000	24,500.000			24,500.000	
4.2	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển thủy sản, nông nghiệp xã Vĩnh Lập, Thanh Quang huyện Thanh Hà (Tại xã Vĩnh Lập: Xây dựng thay thế cống Thuần B; cải tạo đoạn kênh T2-3.KT1 đoạn từ cống Thuần B đến cống Đá Tú, cải tạo đoạn kênh nhánh của tuyến T2-3.KT1, cải tạo tuyến đường ven kênh và cải tạo tuyến đường nội vùng. Tại xã Thanh Quang: Bê tông hóa mặt đường nội vùng với tổng chiều dài là 3.170 m)		35,300.0		24,710.000	24,710.000			24,710.000	
4.3	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng vùng sản xuất thuộc phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn (Tại thôn Tử Lạc phường Minh Tân: Cải tạo, nâng cấp 02 tuyến đường giao thông nội bộ 1.300 m và xây dựng 05 cống qua đường)		8,000.0		5,600.000	5,600.000			5,600.000	

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn NSĐP 5 năm 2021-2025 đã giao	Phân bổ, điều chỉnh kế hoạch vốn NSĐP 5 năm 2021-2025	Kế hoạch vốn NSĐP 5 năm 2021-2025 sau phân bổ, điều chỉnh				Ghi chú
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	*Bao gồm*			
							Vốn phân bổ chi tiết		Vốn dự kiến phân bổ (Nguồn thu sử dụng đất)	
							Nguồn XDCB tập trung	Nguồn thu sử dụng đất		
A	B	1	2	3	4	5=3+4	6	7	8	9
4.4	Xây mới thay thế cống Ông Cận, trên kênh KT Ngọc Trì, thuộc địa phận xã Phú Điền Nam Sách		20,000.0		14,000.000	14,000.000			14,000.000	
5	Đầu tư xây dựng, hoàn thiện đường Trương Đỗ thuộc Quy hoạch hành chính tập trung tỉnh Hải Dương		270,000.0		270,000.000	270,000.000			270,000.000	
6	Mở rộng, tu bổ tôn tạo di tích đền Long Động, xã Nam Tân, huyện Nam Sách		128,000.0		64,000.000	64,000.000			64,000.000	Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% TMĐT; phần còn lại ngân sách cấp huyện đầu tư

PHỤ LỤC SỐ 03

(Kèm theo BCTT số 15/BC-KTNS ngày 29/02/2024 của Ban KTNS HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Phân bổ kế hoạch vốn năm 2024 (nguồn thu sử dụng đất)
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	
	Tổng số		**3,714,901.8**	**152,651.421**
I	**Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng**		**1,227,852.6**	**1,651.421**
1	Cải tạo, nâng cấp đường 394 đoạn Km8+738-Km10+788, huyện Bình Giang	4510, 25/12/2009; 262, 03/02/2012	39,178.0	342.944
2	Cải tạo, nâng cấp đường 392 (20A) đoạn Km2+488-Km6, huyện Bình Giang	4013, 21/11/2006; 2447, 04/7/2008; 2778, 20/10/2010	23,479.8	79.690
3	Cải tạo, nâng cấp đường 17 (Ngã ba Chè - Ngã ba Nấu Khê), huyện Nam Sách	3982, 01/10/2003; 1891, 25/5/2006; 3530, 03/10/2008	11,443.0	29.805
4	Đường 389B (Km0 - Km12) đoạn từ cầu An Lưu 2 đến đường 389, huyện Kinh Môn	3325, 31/10/2017; 70, 08/01/2020; 3347, 06/11/2020	100,400.0	522.814
5	Xây dựng nút giao lập thể tại điểm giao cắt giữa đường sắt Hà Nội - Hải Phòng và đường 390	3222, 11/9/2007; 3317, 06/12/2011; 2553, 01/11/2013; 3107, 10/12/2014; 2310, 10/9/2015; 1280, 18/5/2016; 1517, 12/6/2020	1,045,686.0	114.232
6	Xây dựng, cải tạo kho chứa thuốc bảo vệ thực vật tại xã Cao An, huyện Cẩm Giàng	4009; 31/10/2018	5,850.0	49.653
7	Xây dựng công trình phòng chống cháy rừng tỉnh Hải Dương	2108/QĐ-KHĐT-NN ngày 17/11/2010	1,815.8	512.283
II	**Dự án chuyển tiếp**		**44,725.3**	**10,000.000**
1	Trường THPT Nhị Chiểu, thị xã Kinh Môn (địa điểm mới - giai đoạn 1)	3129, 31/10/2016; 395, 16/02/2024	44,725.3	10,000.000
III	**Khởi công mới dự án**		**2,442,323.9**	**141,000.000**
1	Tu bổ, nạo vét kênh dẫn nước tưới, tiêu và cải tạo, nâng cấp một số trạm bơm trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021 - 2025	3140; 26/12/2023	167,698.8	80,000.000
2	Xây dựng Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương (địa điểm mới)	394; 16/02/2024	379,322.0	30,000.000
3	Cải tạo, sửa chữa nhà Hội trường UBND tỉnh	219; 25/01/2024	14,000.0	13,000.000
4	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Báo Hải Dương	424; 26/02/2024	14,303.1	13,000.000
5	Đầu tư xây dựng nút giao liên thông kết nối Quốc lộ 17B với Quốc lộ 5, đường sắt Hà Nội - Hải Phòng, tỉnh Hải Dương	428; 26/02/2024	1,867,000.0	5,000.000